

**CÔNG TY TNHH SOLAR ĐOÀN GIA PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SOLAR ĐOÀN GIA PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702896181

**3. Ngày thành lập:** 22/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa Đất Số 9, Tờ Bản Đồ Số 32, Khu Phố 3B, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>(Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                  | 1629        |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện dân dụng và công nghiệp                                                                                                                                                           | 4659(Chính) |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                         | 4653        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                             | 4652        |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101        |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: - Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở gồm: Nhà dành cho sản xuất công nghiệp như (nhà máy, công trường, phân xưởng lắp ráp), Bệnh viện, trường học các khu văn phòng, Khách sạn, cửa hàng, các dãy nhà hàng, cửa hàng ăn, Kho hàng... | 4102        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                          | 4322        |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý phân phối thiết bị, linh kiện ngành điện                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                               | 4633        |
| 10. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                             | 4632        |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh kho bãi; lưu giữ than đá, phế liệu, hóa chất)                                                                                                                                                                                   | 5210        |
| 12. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                        | 4791        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4799 |
| 14. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (không chứa than đá, sang, chiết, nạp khí hóa lỏng)                                                                                                                                                                                                                                       | 4661 |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4773 |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610 |
| 18. | Dịch vụ ăn uống khác (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5629 |
| 19. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4530 |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649 |
| 21. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, hàng trang trí nội thất - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn phụ kiện, vật tư ngành điện, nước và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Bán buôn các loại ống dẫn nước, hơi nước, xăng dầu, các loại ống dẫn (trừ hoạt động bên thủy nội địa) | 4663 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4669 |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                | 4772 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321 |
| 27. | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Sản Xuất điện mặt trời                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3511 |
| 28. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                            | 2710 |
| 29. | Sản xuất đồ điện dân dụng<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                             | 2750 |
| 30. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục; máy cung cấp năng lượng liên tục (USP) (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                     | 2790 |
| 31. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật điện                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7110 |
| 32. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê trạm phát sóng điện thoại                                                                                                                                                                                                                         | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 22/07/2020 đến ngày 21/08/2020

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: UNG THỊ KIM THOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 31/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 280861699

Ngày cấp: 24/08/2016

Nơi cấp: Công an Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu Phố 3B, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu Phố 3B, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương